

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán diện tích và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND tỉnh về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch diện tích được hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 303/TTr-STC ngày 18/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán diện tích và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Diện tích: 138.249,62 ha

Trong đó:

- Công ty TNHH KTCT thủy lợi Bình Định: 75.981,15 ha;

- Huyện, thị xã, thành phố: 62.268,47 ha;

2. Kinh phí quyết toán năm 2023: 108.498 triệu đồng

Trong đó:

- Công ty TNHH KTCT thủy lợi Bình Định: 54.464 triệu đồng;

- Huyện, thị xã, thành phố: 54.034 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ số liệu quyết toán phê duyệt tại Điều 1, các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện thủ tục thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K10, K17



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

(Kèm theo Tờ trình số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Quyết toán năm 2023	
		Diện tích (ha)	Kinh phí
	Tổng cộng	138.249,62	108.498
A	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định*	75.981,15	54.464
B	Các huyện, thị xã, thành phố	62.268,47	54.034
1	Quy Nhơn	1.818,79	1.587
2	An Nhơn	6.614,56	5.055
3	Tuy Phước	5.244,49	4.803
4	Tây Sơn	9.435,31	7.373
5	Phù Cát	8.307,42	6.331
6	Phù Mỹ	11.820,87	8.627
7	Hoài Ân	7.702,22	8.405
8	Hoài Nhơn	8.494,56	8.567
9	Vân Canh	488,62	583
10	Vĩnh Thạnh	816,50	962
11	An Lão	1.525,12	1.741

* Bao gồm diện tích tạo nguồn từ Công ty cho các huyện, thị xã, thành phố
28.308,53 ha.